

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính dự kiến cắt giảm và danh mục đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến
(Ban hành kèm theo Thông báo số: /TB-STP ngày tháng 4 năm 2025 của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình)

TT	Danh mục TTHC của đơn vị	Tổng số	Mã số TTHC	Thời gian thực hiện TTHC theo QĐ của Bộ chủ quản (giờ)	Thời gian đã thực hiện cắt giảm TTHC trong quy trình nội bộ (giờ)	Tỷ lệ % đã cắt giảm so với thời gian quy định của của Bộ	Dự kiến thời gian cắt giảm TTHC trong quy trình nội bộ còn thiếu để đạt tỷ lệ 30% trong năm 2025 (giờ)	DVC đủ điều kiện nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến
SỞ TƯ PHÁP								
I	Lĩnh vực Nuôi con nuôi	4						
1	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài		1.003179.H42	40	0	0	12	x
2	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi		1.003160.H42	400	0	0	120	x
3	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng		1.003976.H42	2.800	0	0	840	x
4	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi		1.004878.H42	1.360	0	0	408	x
				1.600	0	0	480	x
II	Lĩnh vực Quốc tịch	5						
1	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam		2.002039.H42	920	6	0,007	270	x
2	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước		2.002038.H42	680	6	0,009	198	x
3	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước		2.002036.H42	600	6	0	174	x
4	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước		1.005136.H42	160	0	0	48	x
				440	0	0	132	
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam		2.001895.H42	40	0	0	12	x
III	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước	3						

1	Thủ tục phục hồi danh dự		2.002191.H42	120	0	0	36	x
2	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường		2.002193.H42	40	0	0	12	x
3	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.		2.002192.H42	392	0	0	117,6	x
				840	0	0	252	
IV	Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý	12						
1	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư		2.000977.H42	80	2	0,03	22	x
				104	4	0,04	27,2	
2	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý		2.000587.H42	56	4	0,07	12,8	x
3	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý		2.000518.H42	56	2	0,04	14,8	x
4	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý		2.001680.H42	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	0		0	x
5	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý		2.000829.H42	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	0		0	x
6	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý		2.000592.H42	24	0	0	7,2	x
				120	0	0	36	
7	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý		2.001687.H42	24	0	0	7,2	x
8	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật		2.000970.H42	80	0	0	24	x
				104	0	0	31,2	
9	Thủ tục cấp lại giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		2.000954.H42	40	4	0,1	8	x
10	Thủ tục chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		2.000840.H42	24	0	0	7,2	x
11	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		2.000596.H42	56	4	0,07	12,8	x
12	Thủ tục thay đổi nội dung giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý		1.001233.H42	40	4	0,1	8	x
V	Lĩnh vực Đấu giá tài sản	8						
1	Cấp thẻ đấu giá viên		2.001815.H42	40	4	0,1	8	x

2	Thủ tục cấp lại thẻ đấu giá viên		2.001807.H42	24	0	0	7,2	x
3	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản		2.001395.H42	80	4	0,05	20	x
4	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản		2.001333.H42	40	4	0,1	8	x
5	Thủ tục cấp lại giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản		2.001258.H42	56	4	0,07	12,8	x
6	Thủ tục đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản		2.001247.H42	56	4	0,07	12,8	x
7	Thủ tục phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến		2.001225.H42	720	4	0,01	212	x
8	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản		2.002139.H42	80	4	0,05	20	x
VI	Lĩnh vực Luật sư	18						
1	Thủ tục đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề Luật sư.		1.002010.H42	80	4	0,05	20	x
2	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư		1.002032.H42	Không quy định	0		0	x
3	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh		1.002079.H42	40	4	0,1	8	x
4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật TNHH một thành viên		1.002055.H42	40	4	0,1	8	x
5	Thủ tục đăng ký hoạt động cho chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư		1.002099.H42	56	4	0,07	12,8	x
6	Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài		1.002181.H42	80	4	0,05	20	x
7	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, Công ty luật nước ngoài		1.002198.H42	40	4	0,1	8	x
8	Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh của Công ty luật nước ngoài tại Việt Nam		1.002384.H42	56	4	0,07	12,8	x
9	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, Công ty luật nước ngoài		1.002368.H42	80	4	0,05	20	x
10	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân		1.002153.H42	56	4	0,07	12,8	x
11	Hợp nhất công ty luật		1.002218.H42	80	3	0,04	21	x

12	Sáp nhập công ty luật		1.002234.H42	80	3	0,04	21	x
13	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật		1.008709.H42	56	4	0,07	12,8	x
14	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài		1.002398.H42	56	4	0,07	12,8	x
15	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư		1.000828.H42	272	0	0	81,6	
16	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư		1.000688.H42	216	0	0	64,8	x
17	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư		1.008624.H42	272	0	0	81,6	x
				216	0	0	64,8	
18	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khách quan khác mà thông tin trên Chứng chỉ hành nghề luật sư bị thay đổi		1.008628.H42	272	0	0	81,6	x
				216	0	0	64,8	
VII	Lĩnh vực Trọng tài thương mại	6						
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác		1.008889.H42	120	4	0,03	32	x
2	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác		1.008890.H42	80	4	0,05	20	x
3	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác		1.008906.H42	80	4	0,05	20	x

4	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam		1.008904.H42	120	4	0,03	32	x
5	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trường Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		1.008905.H42	56	4	0,07	12,8	x
6	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam Luật		1.001248.H42	40	4	0,1	8	x
VIII	Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	5						
1	Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân		1.002626.H42	56	4	0,07	12,8	x
2	Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản		1.001842.H42	56	3	0,05	13,8	x
3	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản		1.008727.H42	56	4	0,07	12,8	x
4	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên		1.001633.H42	24	0	0	7,2	x
5	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản		1.001600.H42	24	0	0	7,2	x
IX	Lĩnh vực Hòa giải thương mại	9						
1	Thủ tục đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc		1.009284.H42	56	4	0,07	12,8	x
2	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động trung tâm hòa giải thương mại		2.002047.H42	56	4	0,07	12,8	x
3	Đăng ký hoạt động của chi nhánh trung tâm hòa giải thương mại		2.001716.H42	80	4	0,05	20	x

4	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam		1.009283.H42	56	4	0,07	12,8	x
5	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động		2.000515.H42	40	4	0,1	8	x
6	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác		1.008913.H42	120	4	0,03	32	x
7	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam		1.008914.H42	40	4	0,1	8	x
8	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác		1.008915.H42	80	4	0,05	20	x
9	Thay đổi tên gọi, Trường chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam		1.008916.H42	56	4	0,07	12,8	x
X	Lĩnh vực Tư vấn pháp luật	6						
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật		1.000627.H42	40	3	0,08	9	x
2	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật		1.000614.H42	40	4	0,1	8	x
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh		1.000588.H42	56	4	0,07	12,8	x

4	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật		1.000426.H42	40	4	0,1	8	x
5	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật		1.000404.H42	56	4	0,07	12,8	x
6	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật		1.000390.H42	56	4	0,07	12,8	x
XI	Lĩnh vực Giám định tư pháp	9						
1	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp		2.000890.H42	360	3	0,01	105	x
2	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp		2.000823.H42	240	4	0,02	68	x
3	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp		2.000568.H42	360	3	0,01	105	x
4	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp		1.001216.H42	136	4	0,03	36,8	x
5	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp		2.000555.H42	40	4	0,1	8	x
6	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất		1.001117.H42	40	4	0,1	8	x
7	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp		1.009832.H42	160	0	0	48	x
8	Bỏ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	các Sở, ban,	1.001122.H42	240	0	0	72	x
9	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	các Sở, ban,	2.000894.H42	80	0	0	24	
XII	Lĩnh vực Hộ tịch	2						
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch		2.000635.H42	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ	0		0	x
2	Xác nhận thông tin hộ tịch		2.002516.H42	24	0	0	7,2	x
				80	0	0	24	

XIII	Lĩnh vực Công chứng	23						
1	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng		1.001721.H42	120	4	0,03	32	x
2	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên		1.001756.H42	56	0	0	16,8	x
3	Cấp lại Thẻ công chứng viên		1.001799.H42	40	4	0,1	8	x
4	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng		2.000778.H42	56	4	0,07	12,8	x
5	Thủ tục đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng hợp nhất		2.000766.H42	80	4	0,05	20	x
6	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập		2.000758.H42	56	4	0,07	12,8	x
7	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng		2.000743.H42	56	4	0,07	12,8	x
8	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng		1.001071.H42	56	0	0	16,8	x
				80	0	0	24	
9	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		1.001125.H42	40	0	0	12	x
				80	0	0	24	x
10	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác		1.001153.H42	40	0	0	12	x
				56	0	0	16,8	
				80	0	0	24	
11	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng		1.001438.H42	40	4	0,1	8	x
12	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng		1.001446.H42	56	0	0	16,8	x
				80	0	0	24	
13	Hợp nhất Văn phòng công chứng		1.001688.H42	280	4	0,01	80	x
14	Thành lập Văn phòng công chứng		1.001877.H42	160	4	0,03	44	x

15	Sáp nhập Văn phòng công chứng		1.001665.H42	280	4	0,01	80	x
16	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng		1.001647.H42	280	4	0,01	80	x
17	Thủ tục đăng ký hoạt động văn phòng công chứng		2.000789.H42	80	4	0,05	20	x
18	Thành lập Hội công chứng viên		1.003118.H42	360	4	0,01	104	x
19	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng		2.002387.H42	40	0	0	12	x
20	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng		1.012019.H42	80	0	0	24	x
21	Bổ nhiệm công chứng viên		1.000112.H42	320	0	0	96	x
22	Bổ nhiệm lại công chứng viên		1.000100.H42	320	0	0	96	x
23	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp miễn nhiệm)		1.000075.H42	240	0	0	72	x
XIV	Lĩnh vực thừa phát lại	16		2440	42		690	
1	Đăng ký tập sự hành nghề thừa phát lại		1.008925.H42	56	4	0,07	12,8	x
2	Thay đổi nơi tập sự hành nghề thừa phát lại		1.008926.H42	40	4	0,1	8	x
3	Đăng ký hành nghề và cấp thẻ thừa phát lại		1.008927.H42	80	4	0,05	20	x
4	Cấp lại thẻ thừa phát lại		1.008928.H42	56	4	0,07	12,8	x
5	Thành lập Văn phòng thừa phát lại		1.008929.H42	320	4	0,01	92	x
6	Đăng ký hoạt động Văn phòng thừa phát lại		1.008930.H42	80	4	0,05	20	x
7	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng thừa phát lại		1.008931.H42	24	0	0	7,2	x
				56	0	0	16,8	
8	Chuyển đổi loại hình Văn phòng thừa phát lại		1.008932.H42	240	4	0,02	68	x
9	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại		1.008933.H42	56	4	0,07	12,8	x

10	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại		1.008934.H42	240	2	0,01	70	x
11	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại		1.008935.H42	56	4	0,07	12,8	x
12	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại		1.008936.H42	240	2	0,01	70	x
13	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại		1.008937.H42	56	2	0,04	14,8	x
14	Bỏ nhiệm Thừa Phát lại		1.008922.H42	320	0	0	96	x
15	Bỏ nhiệm lại Thừa Phát lại		1.008924.H42	320	0	0	96	x
16	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)		1.008923.H42	200	0	0	60	x
XV	Lĩnh vực chứng thực	3						
1	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc		2.000908.H42	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	0		0	x
2	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận		2.000815.H42	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	0		0	x

				16	0	0	4,8	
3	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)		2.000884.H42		0		0	x